

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh An Giang lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020;

Căn cứ Chỉ thị số 27-CT/TU ngày 11 tháng 7 năm 2014 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong thực hiện các giải pháp nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 135/TTr-SKHĐT ngày 11 tháng 7 năm 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020.

Điều 2. Căn cứ vào nhiệm vụ được giao tại Chương trình này và chức năng, nhiệm vụ của đơn vị theo quy định; từng Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố xây dựng kế hoạch chi tiết và tổ chức triển khai thực hiện nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên lĩnh vực, địa bàn quản lý; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ, biện pháp thực hiện cụ thể; đồng thời có phân công, phân nhiệm triển khai từng phần việc.

Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, đôn đốc và tổng hợp kết quả thực hiện nhiệm vụ của Chương trình hành động được phân công cho các Sở, Ban, ngành, địa phương, định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1288/QĐ-UBND ngày 12 tháng 8 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) giai đoạn 2014 - 2015 và định hướng năm 2020; Quyết định số 2573/QĐ-UBND ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt phân công nhiệm vụ thực hiện Kế hoạch nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2015-2020.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TT.Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh;
- UBMTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, Ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND huyện, thị xã, thành phố;
- Hội Luật gia tỉnh, Đoàn Luật sư tỉnh;
- Bảo hiểm XH tỉnh, Ban Hỗ trợ Doanh nghiệp;
- Báo AG, Đài PTTH AG;
- Thông tấn xã Việt Nam tại AG;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Bình Thạnh

CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

**Nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang
giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu
Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 - 2020**
*(Kèm theo Quyết định số 2000/QĐ-UBND, ngày 15/7/2016
của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)*

I. KHÁI QUÁT CHUNG

1. Giới thiệu về Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI)

Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) là công cụ để đo lường và đánh giá công tác quản lý, điều hành kinh tế cấp tỉnh trên các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân. Đây là dự án hợp tác nghiên cứu giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và dự án Nâng cao năng lực cạnh tranh Việt Nam (là dự án do Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ - USAID tài trợ).

Chỉ số này được công bố thí điểm lần đầu tiên vào năm 2005 và được công bố chính thức vào năm 2006 cho 43 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương với 10 chỉ số thành phần, đến năm 2009 thì chỉ còn 9 chỉ số thành phần (giảm chỉ số ưu đãi đối với doanh nghiệp nhà nước - môi trường cạnh tranh) và năm 2013 được đánh giá trên 10 chỉ số thành phần bao gồm:

(1) Chỉ số chi phí gia nhập thị trường (trọng số 5%, có 13 chỉ tiêu)

Là chỉ số đánh giá về chi phí gia nhập thị trường của các doanh nghiệp mới thành lập và việc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp, nhà đầu tư, bao gồm: Thời gian đăng ký doanh nghiệp, thời gian được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các loại giấy tờ, thủ tục để đăng ký doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ thông tin, trình độ chuyên môn của cán bộ làm việc tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả...

(2) Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (trọng số 5%, có 08 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường về các khía cạnh của vấn đề đất đai mà doanh nghiệp phải đối mặt như: Việc tiếp cận đất đai có thuận lợi không, giá

thuê đất có hợp lý không, doanh nghiệp có thấy yên tâm và được đảm bảo về sự ổn định khi có mặt bằng sản xuất kinh doanh...

(3) Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin (trọng số 20%, có 10 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường khả năng tiếp cận các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch, các văn bản pháp lý, các tài liệu về ngân sách của tỉnh cần thiết cho hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp có được dễ dàng, công bằng hoặc các chính sách, văn bản mới khi ban hành phải đảm bảo quyền lợi, nghĩa vụ của doanh nghiệp và có sự đồng thuận cao của doanh nghiệp.

(4) Chỉ số chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước (trọng số 5%, có 09 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường thời gian doanh nghiệp phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính và phục vụ công tác kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước,...

(5) Chỉ số chi phí không chính thức (trọng số 10%, có 05 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường các khoản chi phí không chính thức mà doanh nghiệp phải trả, những cản trở do chi phí này gây ra khi gia nhập thị trường và trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp.

(6) Chỉ số tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (trọng số 5%, có 06 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường tính sáng tạo, sáng suốt của lãnh đạo tỉnh trong quá trình thực thi chính sách của Trung ương cũng như việc đưa ra các sáng kiến nhằm phát triển kinh tế tư nhân và áp dụng chính sách theo hướng có lợi cho doanh nghiệp, việc thực hiện các ý kiến chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh đối với Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, đối với lãnh đạo cấp huyện...

(7) Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%, có 24 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường các dịch vụ của tỉnh để phát triển khu vực kinh tế tư nhân như: Xúc tiến thương mại, xúc tiến đầu tư, hỗ trợ doanh nghiệp, tư vấn pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm đối tác, thị trường, dịch vụ công nghệ...

(8) Chỉ số đào tạo lao động (trọng số 20%, có 11 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường sự nỗ lực của các cấp, các ngành để thúc đẩy đào tạo nghề và kỹ năng kiến thức cho các doanh nghiệp, người lao động ở địa phương, cung cấp cho doanh nghiệp nguồn lao động có chất lượng...

(9) Chỉ số thiết chế pháp lý (trọng số 5%, có 12 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường lòng tin của doanh nghiệp đối với hệ thống tư pháp của tỉnh, các thiết chế pháp lý có được doanh nghiệp xem là công cụ

hiệu quả để giải quyết tranh chấp hoặc khiếu nại, tố cáo các hành vi sai phạm, những nhiễu của cán bộ công quyền ở địa phương.

(10) Chỉ số cạnh tranh bình đẳng (trọng số 5%, có 14 chỉ tiêu)

Là chỉ số đo lường sự đối xử bình đẳng của tỉnh, của các cấp thông qua việc có ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn lớn, các doanh nghiệp nhà nước, các nhà đầu tư nước ngoài khi đến đầu tư trên địa bàn tỉnh, làm thiếu đi sự bình đẳng với các doanh nghiệp khác, đặc biệt là khu vực kinh tế tư nhân.

2. Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh An Giang

Trong những năm qua, được sự quan tâm, tạo điều kiện của các Bộ, ngành Trung ương, tỉnh An Giang đã ban hành nhiều cơ chế chính sách, giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, hỗ trợ doanh nghiệp nhằm thu hút đầu tư, tạo môi trường đầu tư và sản xuất kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) như: rà soát, sửa đổi chính sách thu hút, ưu đãi đầu tư trên địa bàn tỉnh; cải cách hành chính, trong đó tập trung rà soát, đơn giản hóa, bãi bỏ các thủ tục hành chính không cần thiết... Kết quả qua 10 năm thực hiện điều tra, khảo sát và công bố của Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (tính từ năm 2006 đến nay), điểm số của An Giang qua từng năm như sau:

CHỈ SỐ	2006	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014	2015	SS 2014	Xếp hạng 2015	
												Cả nước	Khu vực
Gia nhập thị trường	7,64	7,76	7,64	9,06	6,92	9,13	9,00	7,65	8,90	8,68	-0,22	14	5
Tiếp cận đất đai	6,37	6,63	7,33	8,35	7,64	6,25	7,78	6,41	6,91	5,94	-0,97	31	12
Tính minh bạch	6,64	6,93	7,00	6,11	6,34	5,62	6,13	5,73	5,92	6,5	+0,58	18	4
Chi phí thời gian	4,57	6,93	4,62	6,49	6,33	7,86	6,75	7,81	7,54	7,0	-0,54	20	12
CP không chính thức	7,0	6,57	6,65	6,97	6,24	6,76	7,02	6,76	6,16	4,66	-1,5	42	13
Tính năng động	7,59	7,71	7,63	7,21	6,99	6,72	6,42	7,59	5,12	4,47	-0,65	36	12
Hỗ trợ doanh nghiệp	7,06	7,44	7,32	4,01	5,14	5,14	4,91	5,04	5,40	5,67	+0,27	28	4
Đào tạo lao động	4,55	4,94	4,90	4,47	5,49	4,01	5,21	4,90	4,75	5,14	+0,39	50	8
Thiết chế pháp lý	3,38	5,05	5,44	4,31	4,48	4,84	3,67	5,33	6,13	6,18	+0,05	18	9
Cạnh tranh bình đẳng	6,43	6,94	7,32	N/A	N/A	N/A	N/A	7,14	5,01	4,41	-0,6	46	12
PCI	60,45	66,47	61,12	62,47	61,94	62,22	63,42	59,07	58,10	57,61	-0,49	39	10
Xếp hạng từng năm	9	6	9	20	14	19	2	23	37	39			
Nhóm điều hành	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	Khá	Khá	Khá			

Kết quả trên cho thấy, có 07 năm An Giang là tỉnh có kết quả điều hành tốt, 03 năm đạt kết quả điều hành khá. Năm 2012, An Giang được xếp hạng 02/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và đứng thứ 2 khu vực đồng bằng sông Cửu Long; tuy nhiên, từ năm 2013 trở đi, xếp hạng PCI của An Giang đều giảm. Cụ thể, năm 2013 xếp thứ 23/63 tỉnh, thành (giảm 21 bậc), năm 2014 xếp thứ 37/63 tỉnh, thành (tiếp tục giảm thêm 14 bậc) và năm 2015 tiếp tục giảm 02 bậc, đứng thứ 39/63 tỉnh, thành và thuộc nhóm điều hành “khá”. Theo đó, giai đoạn 2013 - 2015:

- Có 04 chỉ số giảm điểm liên tục: Chi phí không chính thức (trọng số 10%); cạnh tranh bình đẳng (trọng số 5%); chi phí thời gian (trọng số 5%) và tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh (trọng số 5%).

- Có 02 chỉ số tăng và giảm theo từng năm: Chi phí gia nhập thị trường (trọng số 5%) và tiếp cận đất đai (trọng số 5%) giảm trong năm 2013 nhưng lại tăng năm 2014 và quay trở lại giảm trong năm 2015.

- Có 02 chỉ số giảm trong năm 2013 hoặc trong năm 2013, 2014 nhưng tăng trong năm 2014 và 2015: Tính minh bạch và tiếp cận thông tin (trọng số 20%) giảm trong năm 2013 (giảm 0,4 điểm) nhưng tăng liên tục trong năm 2014-2015; Đào tạo lao động (trọng số 20%) giảm liên tục 02 năm liền (2013-2014) nhưng tăng điểm trong năm 2015.

- Có 02 chỉ số tăng liên tục: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%) tăng liên tục 3 năm liền (2013-2015); Thiết chế pháp lý (trọng số 5%) tăng liên tục 3 năm liền (2013-2015).

Bên cạnh các kết quả nêu trên, việc thu hút đầu tư trên địa bàn tỉnh chưa tương xứng với điều kiện, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh; các ngành, các cấp chưa thật sự tích cực triển khai hoặc chưa bám sát các chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh theo kế hoạch đã đề ra. Công tác việc tuyên truyền nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, tạo sự chuyển biến trong toàn bộ hệ thống chính trị và sự đồng thuận của cộng đồng doanh nghiệp còn hạn chế. Quy trình giải quyết thủ tục hành chính từng lúc, từng nơi vẫn còn chông chéo, vướng mắc; một số chính sách ban hành nhưng chưa thực sự đi vào cuộc sống; sự phối hợp giữa các cơ quan trong việc giải quyết thủ tục hành chính cho nhà đầu tư chưa thông suốt và nhịp nhàng. Công tác kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp về cải thiện môi trường kinh doanh chưa được thực hiện thường xuyên; một số Sở, Ban, ngành, địa phương xem việc nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh là nhiệm vụ của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh được Ủy ban nhân dân tỉnh phân công thực hiện ở từng chỉ số, từng chỉ tiêu của từng chỉ số...

Nguyên nhân khách quan: do việc hướng dẫn từ Trung ương trong công tác điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch còn chậm, chưa kịp thời (như: Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện; quy hoạch ngành; quy hoạch sản phẩm; quy hoạch xây dựng; quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất,...); mặt khác, các quy hoạch vùng chưa đồng bộ và thống nhất, công tác quản lý quy hoạch còn lỏng lẻo. Tỷ lệ doanh nghiệp được lấy ý và phản hồi về PCI của tỉnh thấp, chỉ chiếm 2,5% trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động nên chưa phản ánh hết thực chất năng lực cạnh tranh của tỉnh. Cơ sở đào tạo nguồn nhân lực để cung cấp cho doanh nghiệp, các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, hỗ trợ pháp lý, lao động, việc làm, đăng ký thương hiệu,... còn nhiều hạn chế, chưa tạo được sự thu hút của doanh nghiệp tham gia vào các chương trình của tỉnh. Khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của doanh nghiệp còn thấp, từ đó việc tiếp cận các tài liệu về quy hoạch, kế hoạch, văn bản quy phạm pháp luật, các quy định, văn bản chỉ đạo điều hành,... trên Cổng thông tin điện tử và các trang thông tin điện tử của các cơ quan trong tỉnh gặp khó khăn. Thủ tục hành chính vẫn còn rườm rà, các văn bản quy định về thủ tục hành chính thường xuyên có sự thay đổi, trong khi đó việc rà soát bãi bỏ hoặc bổ sung để công khai chưa được thường xuyên, liên tục.

Bên cạnh những nguyên nhân khách quan, nguyên nhân chủ quan do việc tổ chức thực hiện các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh chưa thật sự thường xuyên, chưa cụ thể theo các chỉ tiêu được giao, chưa đi vào trọng tâm, trọng điểm. Công tác cải cách thủ tục hành chính có chuyển biến nhưng chỉ dừng ở mức giảm bớt văn bản, giấy tờ trong khi việc thực thi trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế; qua phân tích chi tiết chỉ số năng lực cạnh tranh, vẫn còn tình trạng doanh nghiệp bị những nhiễu hoặc phải chi các khoản “chi phí không chính thức” khi thực hiện thủ tục hành chính... từ đó dẫn đến chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh sụt giảm, ảnh hưởng đến sự phát triển chung của tỉnh. Nhận thức của các cấp chính quyền và cộng đồng doanh nghiệp chưa đầy đủ về nội dung, mục đích, ý nghĩa cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh. Thủ trưởng một số Sở, ngành và địa phương chưa quyết liệt trong chỉ đạo thực hiện kế hoạch, chương trình cải thiện chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh, chưa tích cực, chủ động giải quyết các khó khăn cho doanh nghiệp. Thủ tục hành chính ở một số lĩnh vực còn gây phiền hà, tốn kém thời gian như: Thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy; Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM); Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền thuê đất;

Thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất; Giấy phép xây dựng; cấp điện; đầu nối cáp, thoát nước...

Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X đã xác định việc cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh là một trong ba khâu đột phá trong thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh giai đoạn 2015 - 2020. Do đó, cần có sự vào cuộc đồng bộ của các cấp, các ngành trên cơ sở phân tích nguyên nhân hạn chế, xác định rõ nhiệm vụ, đưa ra giải pháp, tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao nhất nhằm đạt được mục tiêu xây dựng môi trường đầu tư kinh doanh thực sự thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, thuận lợi, tạo động lực cho thu hút đầu tư và phát triển doanh nghiệp, tạo bước đột phá trong phát triển kinh tế - xã hội tỉnh An Giang.

II. MỤC TIÊU CỦA CHƯƠNG TRÌNH

1. Mục tiêu tổng quát

Tập trung cải thiện, nâng cao chất lượng điều hành của bộ máy chính quyền, lấy cải cách hành chính là khâu đột phá, tạo sự chuyển biến căn bản về chất lượng bộ máy hành chính. Cải thiện điểm số và vị trí xếp hạng về năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang, góp phần xây dựng môi trường kinh doanh thông thoáng, minh bạch, hấp dẫn, tạo thuận lợi hơn cho các thành phần kinh tế tham gia đầu tư kinh doanh.

2. Mục tiêu cụ thể

Năng lực cạnh tranh tỉnh An Giang nằm trong nhóm điều hành tốt với các chỉ tiêu cụ thể như sau:

- Triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp của Chương trình hành động để cải thiện 06 chỉ số thành phần giảm điểm, giảm thứ hạng: Chi phí không chính thức; Tiếp cận đất đai; Tính năng động và tiên phong của lãnh đạo tỉnh; Cạnh tranh bình đẳng; Chi phí thời gian; Chi phí gia nhập thị trường.

- Tập trung nâng cao điểm số những chỉ số thành phần có trọng số cao: Tính minh bạch và khả năng tiếp cận thông tin (20%); Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (20%); Đào tạo lao động (20%); Chi phí không chính thức (10%).

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp chung

- Tăng cường công tác thông tin và truyền thông, nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành về tầm quan trọng của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, đẩy mạnh phòng chống tham nhũng, lãng phí; tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính trong công tác phối hợp, thanh tra, kiểm tra trong thực hiện thủ tục hành chính và công khai, minh bạch hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị tại các cấp chính quyền.

- Tập trung đẩy mạnh cải cách hành chính, trọng tâm là thực hiện tốt cơ chế một cửa, một cửa liên thông, tạo mọi thuận lợi và giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính, chi phí cho doanh nghiệp, người dân; thực hiện nguyên tắc thời gian trả kết quả từng loại thủ tục hành chính trên tất cả các lĩnh vực phải giảm ít nhất 20% so với thời gian quy định của Trung ương, của tỉnh.

- Công khai minh bạch thủ tục hành chính, thời gian giải quyết trên mạng Internet và niêm yết đồng bộ, thống nhất tại nơi tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, đặc biệt là đối với một số lĩnh vực gây phiền hà doanh nghiệp: thuế, phí, lệ phí; đất đai; đấu thầu, thanh quyết toán vốn; thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; giấy phép xây dựng; cấp điện; đấu nối cấp, thoát nước...

- Tăng cường công tác đối thoại, kịp thời nắm bắt, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp; quan tâm hơn nữa đến các doanh nghiệp nhỏ và vừa, nhất là nhóm doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ. Tiếp tục nâng cao vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp, Hội doanh nhân trẻ của tỉnh nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Nhiệm vụ, giải pháp cụ thể

2.1. Chỉ số tính minh bạch và tiếp cận thông tin (trọng số 20%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực nội chính.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở Tư pháp.

b. Nhiệm vụ, giải pháp

- Sở Tư pháp:

Đẩy mạnh công tác hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tiếp cận thông tin pháp luật, trợ giúp pháp lý trong hoạt động đầu tư, kinh doanh và hội nhập quốc tế...

Những văn bản quy phạm pháp luật, các cơ chế, chính sách mới liên quan doanh nghiệp do Trung ương ban hành, tham mưu Ủy ban

nhân dân tỉnh kế hoạch triển khai thực hiện; Thời gian triển khai chậm nhất đúng vào ngày loại văn bản đó có hiệu lực thi hành.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế phối hợp giữa Hiệp hội Doanh nghiệp, Hội Doanh nhân trẻ của tỉnh, các hội, hiệp hội có liên quan với Sở, Ban, ngành cấp tỉnh trong tư vấn, phản biện các chính sách, quy định do tỉnh ban hành.

- Sở Thông tin và Truyền Thông (phối hợp Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy):

Cung cấp đầy đủ, nhanh chóng, kịp thời những thông tin như: Quy hoạch của ngành, địa phương; bộ thủ tục hành chính; danh mục các dự án kêu gọi đầu tư; tiềm năng, lợi thế, cơ hội đầu tư; tình hình kinh tế - xã hội; các tài liệu về ngân sách... trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các Cổng thông tin thành phần và các cơ quan thông tin truyền thông để kịp thời cập nhật, cung cấp cho người dân, doanh nghiệp những thông tin mới nhất.

Tăng cường phối hợp các cơ quan báo chí, thông tin truyền thông tuyên truyền, phổ biến để mọi người dân, doanh nghiệp hiểu và thực hiện đúng về nhiệm vụ nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đồng thời, có kế hoạch, giải pháp cải tiến và nâng cao chất lượng thông tin, đầu tư nâng cấp trang thiết bị cung cấp thông tin đáp ứng nhu cầu của nhân dân và doanh nghiệp.

- Sở Tài chính: Công bố đầy đủ, chi tiết các tài liệu về ngân sách tỉnh, ngân sách cấp huyện, tình hình thu - chi ngân sách hàng quý, năm của tỉnh trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của Sở Tài chính, Ủy ban nhân dân cấp huyện và niêm yết công khai tại trụ sở cơ quan.

- Cục thuế, Cục Hải quan: Triển khai các giải pháp triệt tiêu tình trạng hộ kinh doanh, doanh nghiệp, nhà đầu tư thương lượng với cán bộ thuế, cán bộ hải quan trong thực hiện nghĩa vụ đối với ngân sách Nhà nước, đồng thời xử lý kỷ luật nghiêm những cán bộ, công chức, viên chức vi phạm.

- Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh, Hội doanh nhân trẻ tỉnh: Định kỳ hàng tháng đăng ký làm việc với Ban Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh về những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp, nhà đầu tư, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh, doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã, thành phố:

Quán triệt nguyên tắc “phải thực hiện, phải công khai” trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, cơ quan, đơn vị và niêm yết tại trụ sở các quy hoạch, kế hoạch (đặc biệt là quy hoạch, kế hoạch: phát triển kinh tế - xã

hội, sử dụng đất, xây dựng, quy hoạch ngành...); công khai, phổ biến, minh bạch các tài liệu pháp lý, đặc biệt các cơ chế, chính sách, những quy định mới liên quan doanh nghiệp; thông tin về cán bộ chịu trách nhiệm giải thích, hướng dẫn, tiếp nhận và phản hồi những thắc mắc, kiến nghị của doanh nghiệp.

Thực hiện nghiêm Quyết định số 1135/QĐ-UBND ngày 24/6/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành danh mục tài liệu, số liệu, thông tin công bố, công khai của các cơ quan hành chính Nhà nước các cấp trên địa bàn tỉnh An Giang.

2.2. Chỉ số dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp (trọng số 20%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư.

b. Nhiệm vụ

- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quy chế xây dựng và quản lý chương trình xúc tiến thương mại và đầu tư. Nội dung quy chế đảm bảo thực hiện được cơ chế, chính sách linh hoạt để tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy doanh nghiệp sử dụng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, xúc tiến đầu tư, xúc tiến thương mại từ cơ quan Nhà nước và tư nhân.

Thực hiện Kế hoạch xúc tiến thương mại và đầu tư của tỉnh giai đoạn 2016 - 2020. Đặc biệt, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế hỗ trợ chi phí cho doanh nghiệp thực hiện xúc tiến thương mại trong và ngoài nước đối với các nhóm sản phẩm chủ lực của tỉnh.

Xây dựng cơ sở dữ liệu thông tin phục vụ cho hoạt động xúc tiến đầu tư trên địa bàn tỉnh nhằm giúp cho người dân, doanh nghiệp tiếp cận cơ chế chính sách, danh mục dự án kêu gọi đầu tư, định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh...

Duy trì, củng cố và nâng chất công tác tổ chức hội chợ tại tỉnh; thực hiện các giải pháp thiết thực, rõ ràng để tăng tỉ lệ số nhà cung cấp dịch vụ trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của tỉnh, trong đó phải đảm bảo tỉ lệ nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ tăng qua từng năm; thực hiện dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường để cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp của tỉnh, tạo điều kiện hoặc có kế hoạch hợp tác cụ thể với các thành phần kinh tế khác, các doanh nghiệp của tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh để cung cấp dịch vụ tìm kiếm

thị trường, xúc tiến thương mại, tìm đối tác kinh doanh, tìm kiếm thông tin về thị trường,... Thường xuyên nghiên cứu cải thiện, nâng cao chất lượng những dịch vụ cung ứng để doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ nêu trên.

- Sở Khoa học và Công nghệ:

Tăng cường thông tin truyền thông, nâng chất các hoạt động dịch vụ để doanh nghiệp tin tưởng và sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ. Triển khai tốt các dịch vụ công nghệ, đặc biệt trong lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao; thực hiện cơ chế, chính sách về phát triển các khu, trung tâm, trại thực nghiệm về nông nghiệp công nghệ cao. Cung cấp kịp thời, đầy đủ, chính xác cho doanh nghiệp của tỉnh, tạo điều kiện hoặc có kế hoạch hợp tác cụ thể với các thành phần kinh tế khác, các doanh nghiệp của tỉnh, đặc biệt là doanh nghiệp dân doanh để cung cấp dịch vụ liên quan đến công nghệ. Thường xuyên nghiên cứu cải thiện, nâng cao chất lượng những dịch vụ cung ứng để doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ nêu trên.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chính sách, cơ chế tài chính khuyến khích hoạt động nghiên cứu, triển khai ứng dụng khoa học vào sản xuất, kinh doanh; khuyến khích các trường đại học, viện nghiên cứu, nhà khoa học đóng góp phát triển và ứng dụng khoa học công nghệ trên mọi lĩnh vực. Kết hợp chặt chẽ giữa nghiên cứu trong nước với chuyển giao công nghệ nguồn từ nước ngoài qua các hoạt động hợp tác kinh tế, đầu tư và thương mại quốc tế.

Triển khai hiệu quả Kế hoạch xây dựng nhãn hiệu chứng nhận An Giang cho các sản phẩm nông nghiệp tỉnh An Giang giai đoạn 2016 – 2020, tầm nhìn đến 2030.

- Sở Công Thương: Triển khai Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 04/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án Xác lập khung chính sách tiếp cận, thiết lập và xâm nhập thị trường cho các sản phẩm chủ lực, sản phẩm đa dạng có lợi thế của doanh nghiệp và người dân An Giang vào hệ thống phân phối trong và ngoài nước đến năm 2020.

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội: Chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Tài chính, Sở Công Thương, Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng nghề và các cơ quan có liên quan rà soát củng cố, nâng chất các cơ sở đào tạo của tỉnh cung cấp dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh cho doanh nghiệp. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế khuyến khích các doanh nghiệp tham gia cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công liên quan đến dịch vụ đào tạo về kế toán, tài chính, quản trị kinh doanh.

- Sở Tư pháp: Triển khai có hiệu quả Kế hoạch số 37/KH-UBND ngày 21/01/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh về triển khai thực hiện Chương trình hỗ trợ pháp lý liên ngành dành cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh An Giang giai đoạn 2016-2020.

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tư vấn, hướng dẫn doanh nghiệp và các tổ chức, công dân về những chính sách hỗ trợ của Nhà nước, tạo điều kiện để doanh nghiệp, tổ chức và công dân hiểu, tiếp cận, thụ hưởng đầy đủ các chính sách hỗ trợ. Tăng cường theo dõi, nắm bắt thông tin về kết quả sản xuất kinh doanh, lao động, việc làm và việc tiếp cận các chính sách hỗ trợ đối với các doanh nghiệp.

2.3. Chỉ số đào tạo lao động (trọng số 20%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực lao động, đào tạo.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

b. Nhiệm vụ

- Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Rà soát, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương đơn giản hóa các thủ tục, điều kiện thành lập, hoạt động của các cơ sở đào tạo, tổ chức, doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ đào tạo nghề nghiệp gắn với việc kiểm tra chặt chẽ chất lượng đào tạo và đầu ra; huy động các nguồn lực đầu tư từ các tổ chức, doanh nghiệp. Khuyến khích các doanh nghiệp tổ chức đào tạo lao động tại chỗ (đặc biệt là lao động kỹ thuật cao).

Thực hiện cơ chế đào tạo lao động theo địa chỉ cho các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thường xuyên thông báo công khai về kết quả, chất lượng, ngành nghề, loại hình, số lượng được đào tạo trên các phương tiện thông tin đại chúng để doanh nghiệp nắm bắt thông tin, phục vụ công tác tuyển dụng.

Xây dựng và triển khai Đề án tạo nguồn lao động có tay nghề cho doanh nghiệp trong cả giai đoạn 2016-2020 theo Quyết định số 1956/QĐ-TTg ngày 27/11/2009 của Thủ tướng Chính phủ.

Nghiên cứu, đề xuất các giải pháp phát triển thị trường lao động và thực hiện tự do dịch chuyển lao động; nâng cao hiệu quả thị trường lao động, bảo đảm tính thống nhất và linh hoạt của thị trường lao động,

tạo thuận lợi cho việc tuyển dụng và sử dụng lao động của doanh nghiệp.

Triển khai hiệu quả Quyết định số 1593/QĐ-UBND ngày 18/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành chính sách hỗ trợ thực hiện cơ chế đào tạo nghề theo đơn đặt hàng của các đơn vị sử dụng lao động trên địa bàn tỉnh.

Đề xuất cơ chế huy động các nguồn lực để nâng cấp, hoàn thiện cơ sở vật chất các cơ sở đào tạo nghề thuộc phạm vi quản lý. Nâng cao hiệu quả hoạt động của dịch vụ giới thiệu việc làm, trung tâm giới thiệu việc làm, hoạt động hội chợ việc làm.

- Sở Nội vụ (phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy):

Đề xuất cơ chế, chính sách thu hút và sử dụng đội ngũ chuyên gia tại các Bộ, ngành Trung ương, các trường đại học, viện nghiên cứu, chuyên gia nước ngoài có chuyên môn giỏi, chú trọng liên kết với các trường của Trung ương, trên địa bàn tỉnh trong đào tạo lao động.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội X Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2015-2020 về phát triển nguồn nhân lực.

- Sở Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng và triển khai Chương trình/Kế hoạch nâng cao chất lượng dịch vụ giáo dục phổ thông do các cơ quan Nhà nước tại tỉnh cung cấp đảm bảo nguyên tắc doanh nghiệp luôn luôn đánh giá tốt hoặc rất tốt.

- Tỉnh đoàn chủ trì, phối hợp với Hội doanh nhân trẻ của tỉnh, Trường Đại học An Giang, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường Cao đẳng Nghề và các đơn vị liên quan trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt Đề án thành lập “Vườn ươm doanh nghiệp” hoặc “Vườn ươm khởi nghiệp”; Thành lập Trung tâm Hỗ trợ thanh niên khởi nghiệp trực thuộc Hội Liên hiệp thanh niên Việt Nam tỉnh An Giang.

2.4. Chỉ số chi phí không chính thức (trọng số 10%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực thanh tra, tư pháp, nội vụ.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Thanh Tra tỉnh.

b. Nhiệm vụ

- Thanh tra tỉnh (phối hợp Ban Nội chính Tỉnh ủy):

Xây dựng kế hoạch và triển khai công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát hàng năm, qua đó tham mưu xử lý nghiêm những cá nhân, cơ

quan, đơn vị và địa phương tùy tiện đặt ra các quy định trái pháp luật, vượt thẩm quyền. Kiên quyết xử lý những hành vi kéo dài thời gian giải quyết hồ sơ, gây phiền hà, sách nhiễu, có thái độ cửa quyền, hống hách đối với nhân dân và doanh nghiệp.

Thực hiện có hiệu quả chương trình, kế hoạch phòng, chống tham nhũng của tỉnh.

- Sở Nội vụ:

Chuẩn hóa đội ngũ cán bộ công chức về trình độ, nhận thức và kỹ năng để đáp ứng nhu cầu công việc trong hướng dẫn, xử lý hồ sơ cho người dân và doanh nghiệp. Hướng dẫn thực hiện công bố số điện thoại đường dây nóng để người dân, doanh nghiệp, doanh nhân phản ánh khi cần thiết.

Có cơ chế kiểm tra, giám sát các bộ phận liên quan đến việc giải quyết các thủ tục cho người dân và doanh nghiệp và có các quy định khen thưởng, xử phạt công khai đối với những trường hợp cán bộ công chức, viên chức lạm dụng vị trí làm việc gây khó khăn cho nhân dân và doanh nghiệp.

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Tham mưu, giúp Ban Hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện tốt chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, qua đó hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận dự án đầu tư, cơ chế chính sách và quy định của Nhà nước; tháo gỡ kịp thời những khó khăn, vướng mắc qua phản ánh của doanh nghiệp và người dân, đồng thời tổ chức vận hành hiệu quả đường dây nóng của tỉnh (theo quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 17/6/2016).

- Sở Tư pháp:

Có kế hoạch triển khai đồng bộ các giải pháp để kiểm soát chặt chẽ thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh không đúng quy định trên địa bàn tỉnh.

Triển khai chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát các nội dung: Niêm yết công khai, minh bạch các thủ tục và kiểm soát chặt chẽ các khoản thu có liên quan đến các loại phí, lệ phí đúng quy định; nghiêm cấm việc tự ý đặt ra và yêu cầu doanh nghiệp phải nộp các khoản chi phí ngoài quy định hoặc tự ý đặt ra thủ tục, điều kiện ràng buộc trong giải quyết các hồ sơ có liên quan đến người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư. Tập trung vào những vấn đề liên quan đến thuế, phí, lệ phí; đất đai; đấu thầu, thanh quyết toán vốn; thẩm duyệt phòng cháy chữa cháy; phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh; giấy phép xây dựng; cấp điện; đấu nối cấp, thoát nước...

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thường xuyên tuyên truyền, phổ biến và quán triệt cho cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan, đơn vị mình nghiêm túc thực hiện pháp luật về phòng chống tham nhũng, pháp Luật Cán bộ, công chức, viên chức. Xử lý nghiêm những cán bộ, công chức tự ý đặt ra các khoản thu, thủ tục, điều kiện ràng buộc ngoài quy định, các thủ tục gây khó khăn, phiền hà hoặc có hành vi nhũng nhiễu, tiêu cực, nhận chi phí lót tay khi giải quyết thủ tục hành chính cho doanh nghiệp. Thủ trưởng cơ quan, đơn vị phải chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về những vi phạm của cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị mình.

2.5. Chỉ số tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Ủy ban nhân dân.

b. Nhiệm vụ

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Thường xuyên nắm bắt, tổng hợp những khó khăn, vướng mắc liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, chủ động đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế, chính sách linh hoạt và giải pháp tháo gỡ trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, hỗ trợ doanh nghiệp phát triển.

Những vấn đề phát sinh mới, làm ảnh hưởng hoạt động sản xuất kinh doanh và cản trở doanh nghiệp phát triển, tích cực tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giải quyết một cách sáng tạo, năng động tiên liệu những vấn đề phát sinh mới đề xuất giải pháp xử lý phù hợp tình hình thực tế của địa phương. Chủ động vận dụng sáng tạo, linh hoạt, mềm dẻo các cơ chế chính sách trong việc giải quyết các thủ tục hành chính, với quan điểm phục vụ doanh nghiệp.

Đối với các trường hợp có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản Trung ương hoặc vượt thẩm quyền giải quyết, chủ động tham mưu đề xuất kiến nghị Trung ương xem xét, sửa đổi, giải quyết trong thời gian sớm nhất tạo thuận lợi doanh nghiệp triển khai dự án, kế hoạch sản xuất kinh doanh.

- Sở Nội vụ (phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy):

Triển khai Đề án tổng thể sắp xếp vị trí, việc làm, kiện toàn tổ chức bộ máy, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp tỉnh An Giang đến năm 2020 đúng quy định của Luật Tổ chức Chính phủ sửa đổi và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương.

Định kỳ hàng năm thực hiện khảo sát về sự hài lòng của doanh nghiệp, người dân đối với công tác quản lý, điều hành kinh tế cấp tỉnh trên các lĩnh vực có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của khu vực kinh tế tư nhân, trong đó chú trọng Bộ phận “Một cửa liên thông” của các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, Bộ phận một cửa Ủy ban nhân dân xã.

- Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư: Triển khai hiệu quả Chương trình Xúc tiến Thương mại và Đầu tư giai đoạn 2016-2020 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhằm quảng bá tiềm năng, hình ảnh phát triển của tỉnh tới cộng đồng doanh nghiệp trong và ngoài nước.

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Lãnh đạo các đơn vị tích cực nghiên cứu các văn bản, chính sách thuộc lĩnh vực mình phụ trách, năng động, nhạy bén và vận dụng sáng tạo, linh hoạt các chính sách, cơ chế hiện hành phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương theo hướng tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển; giải quyết kịp thời hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền giải quyết những khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp.

Nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành về vai trò, ý nghĩa của việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh và xác định đây là nhiệm vụ trọng tâm trong chỉ đạo điều hành của các cấp, các ngành. Tập trung tổ chức triển khai có hiệu quả các nghị quyết của Chính phủ về các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh, tạo mọi điều kiện thuận lợi để các doanh nghiệp nâng cao hiệu quả hoạt động.

Quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền giải quyết công việc của cán bộ, công chức; xử lý công việc chủ động, nhanh chóng, tránh tình trạng trễ hạn, đùn đẩy trách nhiệm hoặc có thái độ ỷ lại, chờ giải quyết của cấp trên.

2.6. Chỉ số chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà nước (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở Nội vụ.

b. Nhiệm vụ

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Triển khai thực hiện hiệu quả việc giám sát và công bố kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ liên quan trực tiếp doanh nghiệp, nhà đầu tư theo Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 28/6/2016.

Phối hợp Sở Nội vụ và các Sở, ngành liên quan sớm đưa Trung tâm tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính cấp tỉnh hoạt động trong quý III năm 2016.

Rà soát, tham mưu sửa đổi các quy định, quy trình và thời gian xử lý văn bản của Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh, lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh theo hướng giảm thời gian xử lý văn bản, bãi bỏ những khâu không cần thiết; kịp thời đề xuất Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh giao nhiệm vụ cho các cấp, các ngành triển khai kịp thời các văn bản của Trung ương.

- Sở Thông tin và Truyền thông:

Rà soát, hoàn thiện các quy trình cung cấp dịch vụ công trực tuyến đảm bảo dễ hiểu và dễ khai thác thông tin. Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý việc đăng ký, kê khai thủ tục hành chính qua mạng Internet, từng bước xây dựng hoàn thiện chính quyền điện tử.

Triển khai ngay phần mềm ứng dụng để chấm điểm cán bộ, công chức, viên chức trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính cho người dân và doanh nghiệp. Định kỳ hàng tháng tổng hợp kết quả, phối hợp với Thủ trưởng các đơn vị, Sở Nội vụ đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh cơ chế xử lý các cán bộ, công chức, viên chức liên tục có kết quả đánh giá thấp.

Thực hiện trách nhiệm công bố công khai báo cáo kết quả giải quyết thủ tục hành chính, hồ sơ liên quan trực tiếp doanh nghiệp, nhà đầu tư theo Kế hoạch số 329/KH-UBND ngày 28/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh; tập trung vào đơn giản các thủ tục hành chính; soát, kiểm tra, đánh giá nâng cao hiệu quả hoạt động cơ chế một cửa, một

cửa liên thông tại các cơ quan hành chính, việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý công văn trên môi trường mạng; đảm bảo thống nhất về công bố, niêm yết thủ tục hành chính, công khai phí, lệ phí giải quyết thủ tục hành chính trên phạm vi toàn tỉnh.

Quan tâm công tác bồi dưỡng, nâng cao trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm và thái độ phục vụ của đội ngũ cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ, giải quyết thủ tục hành chính, đảm bảo giải quyết công việc hiệu quả và thân thiện; xử lý nghiêm cán bộ, công chức làm không đúng quy chế một cửa, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục thực hiện các giải pháp để cải thiện và nâng cao chỉ số cải cách hành chính của tỉnh và các cơ quan, đơn vị.

- Thanh tra tỉnh:

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Quy chế phối hợp thanh tra, kiểm tra ngành, liên ngành nhằm đảm bảo mỗi doanh nghiệp chỉ tiếp một đoàn kiểm tra, thanh tra trong một năm.

Tăng cường thanh tra trách nhiệm của thủ trưởng cơ quan, đơn vị trong việc thực hiện pháp luật về thanh tra và phòng chống tham nhũng. Chủ trì xử lý chồng chéo về phạm vi, đối tượng, nội dung, thời gian thanh tra giữa thanh tra các sở, giữa thanh tra sở với thanh tra huyện.

- Sở Tài chính: Triển khai các giải pháp nhằm đẩy nhanh tiến độ quyết toán vốn đầu tư, tiếp tục giảm thời gian thực hiện so với hiện nay.

- Cục Thuế tỉnh, Cục Hải quan:

Xây dựng kế hoạch triển khai cụ thể (nêu rõ mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp) để đẩy mạnh các hình thức giao dịch điện tử giữa doanh nghiệp với cơ quan thuế, cơ quan hải quan (khai thuế qua mạng, nộp thuế điện tử, sử dụng hóa đơn điện tử, giải đáp vướng mắc quan thu điện tử,...) nhằm giảm chi phí và thời gian thực hiện thủ tục hành chính về thuế của doanh nghiệp.

Cục Hải quan rà soát, đánh giá lại quy trình, hồ sơ và thủ tục xuất nhập khẩu, giảm thời gian thông quan hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu cho doanh nghiệp. Đồng thời, công khai, minh bạch về thủ tục hành chính về hải quan để doanh nghiệp và người dân dễ tiếp cận và giám sát việc thực hiện.

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện nghiêm việc giảm 20% thời gian so với quy định về thời gian trong giải quyết các thủ tục hành chính tại các Sở, Ban, ngành, địa phương. Đề xuất các thủ tục cắt giảm thời gian thực hiện, gửi Sở Tư pháp tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Tăng cường tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật của Nhà nước, các chính sách của tỉnh, tạo điều kiện doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện.

2.7. Chỉ số chi phí gia nhập thị trường (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở Nội vụ.

b. Nhiệm vụ

- Sở Nội vụ:

Triển khai cơ chế một cửa liên thông theo nguyên tắc “băng chuyền”, cơ quan này giải quyết xong thì chuyển cho cơ quan tiếp theo; cơ quan giải quyết thủ tục hành chính có trách nhiệm tư vấn, cầm tay chỉ việc cho người dân, doanh nghiệp mà không thu phí. Trong quá trình triển khai cần tăng cường đào tạo cho cán bộ, công chức, viên chức nâng cao kiến thức, kỹ năng; đặc biệt lưu ý quán triệt và có biện pháp khen thưởng, kỷ luật nhằm nâng cao thái độ ứng xử của cán bộ công chức làm nhiệm vụ tại bộ phận “một cửa”, “một cửa liên thông”.

Triển khai và thực hiện hiệu quả Chương trình cải cách hành chính nhà nước tỉnh An Giang giai đoạn 2016- 2020; đồng thời, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính cấp tỉnh hàng năm.

Hướng dẫn các ngành, các cấp thực hiện lấy phiếu đánh giá của người dân, doanh nghiệp về mức độ hài lòng trong quá trình được giải quyết hồ sơ, thủ tục hành chính tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả, một cửa liên thông.

- Sở Tư pháp:

Xây dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, thường xuyên, đột xuất việc niêm yết công khai quy trình, thủ tục hành chính, các văn bản pháp lý liên quan tại bộ phận tiếp nhận và trả hồ sơ, việc đăng tải trên Cổng thông tin của tỉnh, của cơ quan. Phối hợp với các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh hướng dẫn việc lập các mẫu giấy tờ, bảng kê khai đơn giản và bảng hướng dẫn người dân và doanh nghiệp thực hiện và hoàn thiện khi khai nộp các hồ sơ để giải quyết thủ tục hành chính. Các biểu mẫu này phải đảm bảo đúng quy định, đầy đủ, dễ thực hiện và thường xuyên được cập nhật.

Rà soát để đơn giản hóa các thủ tục hành chính, bãi bỏ các giấy phép, giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh không cần thiết. Kết

quả rà soát thủ tục hành chính được niêm yết công khai, cập nhật thường xuyên để công dân, doanh nghiệp được biết.

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành cơ chế ràng buộc các cấp, các ngành phải giảm tối thiểu 20% thời gian giải quyết so với quy định đối với tất cả các loại thủ tục hành chính.

- Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Xây dựng và hướng dẫn cụ thể quy trình, thủ tục liên quan đến việc gia nhập thị trường của doanh nghiệp, công khai trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và trên các phương tiện thông tin khác.

Thực hiện đăng ký thành lập doanh nghiệp mới, đăng ký thay đổi bổ sung nội dung đăng ký doanh nghiệp tối đa trong 01 (một) ngày làm việc. Triển khai đăng ký doanh nghiệp trực tuyến qua mạng Internet, tăng cường công tác trả kết quả qua đường bưu chính cho người dân, doanh nghiệp. Xây dựng và công bố đầy đủ các quy định về điều kiện, thủ tục đăng ký doanh nghiệp trên Cổng thông tin của tỉnh, của Sở Kế hoạch và Đầu tư.

Triển khai Quyết định số 32/2016/QĐ-UBND ngày 30/6/2016 Quy chế phối hợp trong giải quyết hồ sơ, thủ tục đầu tư theo cơ chế một cửa liên thông trên địa bàn tỉnh An Giang đúng thời gian quy định.

- Sở Tài nguyên và Môi trường: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không quá 15 ngày làm việc; Thời gian đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất không quá 33 ngày làm việc.

- Sở Thông tin và Truyền thông: Chủ trì, phối hợp với các Sở, Ban, ngành liên quan triển khai ứng dụng công nghệ thông tin đồng bộ, hiệu quả tại bộ phận “Tiếp nhận và trả kết quả” thủ tục hành chính.

- Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tăng cường chỉ đạo và giám sát thường xuyên bộ phận hỗ trợ doanh nghiệp, bộ phận có chức năng cung cấp thông tin về các quy định điều kiện kinh doanh; hướng dẫn doanh nghiệp đến các cơ quan có liên quan để giải quyết thủ tục tiếp theo hoặc các đơn vị cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh.

Giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả thuộc cơ quan cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; phấn đấu giảm thời gian giải quyết thủ tục hành chính thêm 20% so với thời gian quy định đã được công bố.

2.8. Chỉ số tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Sở Tài nguyên và Môi trường.

b. Nhiệm vụ

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

Tham mưu ban hành Kế hoạch tạo quỹ đất giai đoạn 2016 – 2020 theo ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Văn bản số 584/VPUBND-KT ngày 29 tháng 02 năm 2016 để doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận, mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh.

Đề xuất cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận đất sản xuất trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và cho phép áp dụng thời hạn thanh toán tiền thuê đất linh hoạt, phù hợp với nhu cầu sử dụng của doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Thực hiện cơ chế thỏa thuận, chấp thuận đầu tư trước, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất sau nhằm tạo điều kiện cho doanh nghiệp sớm đưa dự án đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Triển khai thực hiện các cơ chế thích hợp, trong đó có giải pháp tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp để tăng tỷ lệ doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh và có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đến năm 2020 đạt 99%. Đây là điều kiện tiên quyết để khắc phục tình trạng doanh nghiệp muốn được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không thực hiện do thủ tục hành chính rườm rà, khó khăn hoặc lo ngại cán bộ những nhiễu.

Thẩm định, trình phê duyệt phương án bồi thường giải phóng mặt bằng phải áp dụng: cơ chế bồi thường thỏa đáng cho người dân, doanh nghiệp khi bị thu hồi đất. Niêm yết công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất ở cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã; thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác kế hoạch thu hồi đất để hạn chế đến mức thấp nhất việc doanh nghiệp cảm nhận rủi ro bị thu hồi đất.

Rà soát, thống kê và thu hồi đất của các dự án không triển khai, hoặc chậm triển khai theo quy định của pháp luật. Có giải pháp cụ thể đối với các dự án chậm triển khai do nguyên nhân khách quan và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc liên quan đến việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất cho doanh nghiệp.

Thường xuyên cập nhật sự thay đổi khung giá đất và công bố rộng rãi thông tin trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, của đơn vị, hướng dẫn niêm yết tại cấp huyện.

- Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Công Thương, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Tiếp tục đầu tư xây dựng hạ tầng và khai thác các khu công nghiệp đã được Chính phủ phê duyệt, dành quỹ đất cần thiết để xây dựng các khu, cụm công nghiệp (đặc biệt là công nghệ cao, công nghệ nguồn, công nghệ sạch có giá trị gia tăng lớn) tạo nguồn cung sản phẩm về mặt bằng sản xuất kinh doanh với chi phí hợp lý; bảo đảm các điều kiện hạ tầng kỹ thuật ổn định (điện, nước, viễn thông, vận tải...). Đồng thời, khuyến khích, định hướng để doanh nghiệp đầu tư hạ tầng và kinh doanh hạ tầng các khu, cụm công nghiệp. Đối với các doanh nghiệp trong khu công nghiệp không triển khai dự án theo tiến độ thì tạo điều kiện cho chuyển nhượng lại dự án cho nhà đầu tư mới hoặc thu hồi diện tích đất.

Đẩy nhanh việc triển khai các khu tái định cư phục vụ bố trí tái định cư cho các dự án của Nhà nước và các dự án của các nhà đầu tư; thực hiện tốt công tác giải phóng mặt bằng, chính sách tái định cư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho nhà đầu tư triển khai thực hiện dự án.

- Sở Tài chính: Phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường, các Sở, Ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhanh chóng việc xác định “giá thu, giá trừ” đảm bảo sao cho thời gian cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không quá 10 ngày làm việc sau khi người sử dụng đất đã hoàn thành nghĩa vụ thuế; rút ngắn thời gian đăng ký quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất lần đầu không quá 33 ngày làm việc.

2.9. Chỉ số thiết chế pháp lý (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực tư pháp.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Tòa án nhân dân tỉnh (có phối hợp Ban Nội chính Tỉnh ủy).

b. Nhiệm vụ

- Sở Tư pháp: Nâng cao công tác kiểm soát chất lượng văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân ban hành. Thực hiện xã hội hóa một phần các dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích mở các văn phòng luật sư và tăng cường dịch vụ hỗ trợ pháp lý cho các doanh nghiệp. Bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn và kỹ năng của cán bộ công chức liên quan đến pháp luật.

- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Có Kế hoạch cụ thể để nâng cao chất lượng hoạt động của ngành, nhất là nâng cao chất lượng thực hành quyền công tố và kiểm sát các hoạt động tư pháp, chất lượng hoạt động xét xử các loại vụ án, đẩy nhanh tiến độ thi hành án dân sự để doanh nghiệp tin tưởng vào sự bảo vệ của pháp luật, qua đó doanh nghiệp tăng cường lựa chọn tòa án và trọng tài thương mại để giải quyết các tranh chấp về kinh tế.

- Thanh tra tỉnh (phối hợp với Ban Nội chính Tỉnh ủy), Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh: Phối hợp với các Sở, Ban, ngành, địa phương có liên quan thực hiện cơ chế giám sát và kiểm tra định kỳ để bảo đảm mọi phản ánh, khiếu kiện đều được ghi nhận, giải quyết kịp thời và trả lời cho doanh nghiệp.

2.10. Chỉ số cạnh tranh bình đẳng (trọng số 5%)

a. Chỉ đạo và theo dõi tình hình thực hiện

- Lãnh đạo tỉnh trực tiếp chỉ đạo: Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Cơ quan chịu trách nhiệm: Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

b. Nhiệm vụ

- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh:

Tổng hợp, tham mưu Ban Hỗ trợ doanh nghiệp tỉnh trong quá trình tiếp xúc, trao đổi, giải quyết khó khăn vướng mắc, thực hiện hỗ trợ doanh nghiệp phải đảm bảo nguyên tắc bình đẳng, công bằng giữa các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Tránh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp tư nhân. Tránh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước. Tránh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân, hoạt động của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh hoặc gây ra tình trạng ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp.

- Sở Tài nguyên và Môi trường:

Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện để triệt tiêu tình trạng ưu ái, trao đặc quyền về tiếp cận đất đai, khai thác khoáng sản, giải quyết thủ tục hành chính cho các tổng công ty, tập đoàn, doanh nghiệp của Nhà nước, doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài gây khó khăn cho doanh nghiệp dân doanh.

- Sở Nội vụ:

Phối hợp đưa vào vận hành Trung tâm Tiếp nhận và trả kết quả thủ tục hành chính tỉnh An Giang nhằm cung cấp thông tin và thực hiện các dịch vụ công, tạo sự thuận lợi trong giải quyết các thủ tục hành chính cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp. Qua đó, không còn tình trạng: “Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước; Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài”.

- Sở Tài chính:

Đánh giá hiệu quả quản lý, sử dụng vốn các quỹ tài chính do tỉnh thành lập để có nâng cao hiệu quả hoạt động trong thời gian tới. Qua đánh giá, nghiên cứu đề xuất thành lập Quỹ tài chính chung của tỉnh trên cơ sở sáp nhập, hợp nhất các quỹ tài chính đã được thành lập trên địa bàn tỉnh để hỗ trợ các thành phần kinh tế tiếp cận các nguồn vốn ưu đãi, giảm chi phí đầu tư sản xuất kinh doanh, giảm giá thành sản phẩm, nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp.

- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh An Giang:

Xây dựng kế hoạch thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra các ngân hàng thương mại trên địa bàn tỉnh về việc cung cấp tín dụng cho các thành phần kinh tế, các loại hình doanh nghiệp đảm bảo nguyên tắc, thể lệ cho vay theo quy định, không có tình trạng ưu ái, trao đặc quyền tiếp cận tín dụng cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước, các doanh nghiệp nhà nước.

- Cục Thuế, Cục Hải quan tỉnh:

Công khai, minh bạch các tài liệu về chính sách thuế, triệt tiêu tình trạng đặc quyền dành cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài trong miễn, giảm thuế.

- Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Thực hiện đúng quy định của Luật Đấu thầu năm 2013, bảo đảm cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong quá trình lựa chọn nhà thầu để ký kết và thực hiện hợp đồng cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp. Lựa chọn nhà đầu tư để ký kết và thực hiện hợp đồng dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư, dự án đầu tư có sử dụng đất. Không có tình trạng: “Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước”.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban Chỉ đạo nâng cao năng lực cạnh tranh tỉnh

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, quán triệt Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020. Nghiên cứu các giải pháp và xây dựng Kế hoạch cụ thể triển khai thực hiện hàng năm theo Chương trình.

- Chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các cấp, các ngành thực hiện Chương trình này; định kỳ hàng quý tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận hợp tác với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI). Định kỳ hàng năm sau khi công bố xếp hạng Chỉ số PCI cả nước, Ban Chỉ đạo PCI phối hợp với VCCI tổ chức hội nghị phân tích, đánh giá sâu kết quả chỉ số PCI của tỉnh và đưa ra kế hoạch, giải pháp thực hiện nâng cao chỉ số PCI của năm tiếp theo. Đồng thời, đề xuất khen thưởng, phê bình, xử lý việc thực hiện của các cơ quan, đơn vị, các cấp, các ngành.

2. Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

- Các Sở, Ban, ngành, địa phương căn cứ vào nhiệm vụ, giải pháp cụ thể được phân công ở mục 2 Phần III của Chương trình hành động và nhiệm vụ cụ thể ở từng chỉ tiêu của chỉ số thành phần PCI (có Bảng phân công nhiệm vụ kèm theo) xây dựng Chương trình, Đề án hoặc Kế hoạch triển khai cụ thể trong từng năm và cả giai đoạn 2016 - 2020. Trong đó, từng cơ quan phải phân công, phân nhiệm rõ ràng giữa các đơn vị trực thuộc Sở, ban ngành, huyện, thị xã, thành phố để có cơ sở kiểm tra, tổng hợp và đánh giá kết quả thực hiện cuối năm.

- Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành, đoàn thể, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các địa phương trong tỉnh tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện các nội dung của Chương trình hành động, Chương trình, Đề án, Kế hoạch của đơn vị đến tất cả cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan, đơn vị; đồng thời cụ thể hoá thành các nhiệm vụ, công việc cụ thể để tập trung chỉ đạo đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Trường hợp Sở, Ban, ngành, địa phương nào để giảm điểm số thành phần được giao chủ trì hoặc phối hợp theo dõi thực hiện, được giao trực tiếp hoặc phối hợp thực hiện từng chỉ tiêu của chỉ số thành phần mà không có lý do thuyết phục, Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ có hình thức xử lý nghiêm đối với từng trường hợp cụ thể, kể cả thực hiện điều động, luân chuyển, thay đổi, bố trí lại cán bộ lãnh đạo, cán bộ, công chức có liên quan.

3. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư là cơ quan thường trực theo dõi và tổng hợp quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc phải kịp thời phản ánh, xin ý kiến Trưởng Ban Chỉ đạo thực hiện PCI của tỉnh để xem xét, giải quyết.

Chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh và các ngành liên quan tham mưu Ban Chỉ đạo thực hiện PCI của tỉnh kiểm tra tình hình thực hiện kế hoạch nâng cao năng lực cạnh tranh (PCI) tại các Sở, Ban, ngành và địa phương trong tỉnh; tổ chức mời các Hội, Hiệp hội doanh nghiệp cùng tham gia đoàn kiểm tra, xem đây là một kênh đối thoại thường xuyên giữa cán bộ, công chức, người trực tiếp thực thi công vụ với doanh nghiệp.

4. Sở Tài chính tham mưu bố trí kinh phí thực hiện Chương trình hành động nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh (PCI) tỉnh An Giang giai đoạn 2016 - 2020, thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ X, nhiệm kỳ 2015 – 2020.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Vương Bình Thạnh

**PHỤ LỤC: PHÂN CÔNG LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO, CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM THEO DÕI, CƠ QUAN THỰC HIỆN
TỪNG CHỈ TIÊU PCI - GIAI ĐOẠN 2016 - 2020**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 2000/QĐ-UBND ngày 15/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang)

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực nội chính	Sở Tư pháp	Tiếp cận tài liệu quy hoạch.	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện (01 chỉ tiêu)	Riêng Cục Hải quan, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội doanh nhân trẻ thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				- Tiếp cận tài liệu pháp lý. - Cần có "mối quan hệ" để có được các tài liệu của tỉnh. - Khả năng có thể dự đoán được trong thực thi của tỉnh đối với quy định pháp luật của Trung ương. - Vai trò của Hiệp hội doanh nghiệp địa phương trong việc xây dựng và phân biện chính sách, quy định của tỉnh.	Sở Tư pháp (04 chỉ tiêu)	
				- Điểm số về độ mở và chất lượng trang web của tỉnh. - % doanh nghiệp truy cập vào website của UBND tỉnh, Sở, Ban, ngành tỉnh, UBND cấp huyện.	Sở Thông tin và Truyền thông (02 chỉ tiêu)	
				- Các tài liệu về ngân sách đủ chi tiết để doanh nghiệp sử dụng cho hoạt động kinh doanh. - Các tài liệu về ngân sách được công bố ngay sau khi cơ quan, cá nhân có thẩm quyền phê duyệt.	Sở Tài chính (02 chỉ tiêu)	
				Thương lượng với cán bộ thuế là một phần thiết yếu trong hoạt động kinh doanh.	Cục Thuế tỉnh (01 chỉ tiêu)	
2	Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	- DN đã từng sử dụng dịch vụ liên quan đến công nghệ. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ liên quan đến công nghệ. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng nhà cung cấp trên cho các dịch vụ liên quan đến công nghệ.	Sở Khoa học và Công nghệ (03 chỉ tiêu)	
				- Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tư vấn về pháp luật.	Sở Tư pháp (03 chỉ tiêu)	

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho việc tư vấn về pháp luật. - DN có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật. 		
2	Dịch vụ Hỗ trợ doanh nghiệp	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực xúc tiến, hỗ trợ doanh nghiệp	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Số hội chợ thương mại do tỉnh tổ chức trong năm trước hoặc đăng ký tổ chức cho năm. - Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp dịch vụ tư nhân cho dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường. - Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại. - Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ xúc tiến thương mại. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh. - Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ nêu trên trên tổng số doanh nghiệp. - Tỷ lệ số nhà cung cấp dịch vụ tư nhân và có vốn đầu tư nước ngoài nêu trên trên tổng số nhà cung cấp dịch vụ. 	Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư (12 chỉ tiêu)	Riêng Sở Công thương, Sở Tư pháp và các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo kế toán và tài chính. - DN đã từng sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh. 	Có 06 chỉ tiêu.	<ul style="list-style-type: none"> - Sở Lao động - Thương binh và Xã hội chịu trách nhiệm nội dung đào tạo nghề.

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ đào tạo quản trị kinh doanh. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về kế toán và tài chính. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ đào tạo về quản trị kinh doanh. 	- Sở Giáo dục và Đào tạo chủ trì, phối hợp với Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng nghề An Giang chịu trách nhiệm về bậc đào tạo trung cấp, cao đẳng, đại học.	
3	Đào tạo lao động	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực lao động, đào tạo	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Giáo dục phổ thông.	Sở Giáo dục và Đào tạo (01 chỉ tiêu)	Riêng Sở Nội vụ, Sở Giáo dục và Đào tạo, Tỉnh Đoàn, Hội doanh nhân trẻ của tỉnh, Trường Đại học An Giang, Trường Cao đẳng Nghề, các cơ sở đào tạo nghề, các Sở, Ban ngành cấp tỉnh có liên quan và UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				<ul style="list-style-type: none"> - Dịch vụ do các cơ quan Nhà nước tại địa phương cung cấp: Dạy nghề. - Doanh nghiệp đã từng sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm. - Doanh nghiệp có ý định tiếp tục sử dụng dịch vụ giới thiệu việc làm. - Doanh nghiệp đã sử dụng nhà cung cấp tư nhân cho dịch vụ giới thiệu việc làm. - Tổng chi phí kinh doanh dành cho đào tạo lao động. - Tổng chi phí kinh doanh dành cho tuyển dụng lao động. - Tỷ lệ người lao động tốt nghiệp trường đào tạo nghề/số lao động chưa qua đào tạo. - Tỷ lệ lao động tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng, đào tạo nghề ngắn và dài hạn trên tổng lực lượng lao động. - % số lao động của doanh nghiệp đã hoàn thành khóa đào tạo tại các trường dạy nghề. - Mức độ hài lòng với lao động. 	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (10 chỉ tiêu)	
4	Chi phí không chính thức	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phụ trách lĩnh vực	Thanh Tra tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Các doanh nghiệp cùng ngành thường phải trả thêm các khoản chi phí không chính thức. - % doanh nghiệp phải chi hơn 10% doanh thu cho các loại chi phí 	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện (05 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tư pháp, Sở Nội vụ, Văn phòng UBND tỉnh và

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
		thanh tra tỉnh, tư pháp, nội vụ.		không chính thức. - Hiện tượng nhũng nhiễu khi giải quyết thủ tục cho doanh nghiệp là phổ biến. - Công việc đạt được kết quả mong đợi sau khi đã trả chi phí không chính thức. - Các khoản chi phí không chính thức ở mức chấp nhận được.		các Sở, ban ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ được giao đã nêu trong nội dung Chương trình
5	Tính năng động và tiên phong của Lãnh đạo tỉnh	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- UBND tỉnh linh hoạt trong khuôn khổ pháp luật nhằm tạo môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp tư nhân. - UBND tỉnh rất năng động và sáng tạo trong việc giải quyết các vấn đề mới phát sinh. - Phản ứng của tỉnh khi có điểm chưa rõ trong chính sách/văn bản trung ương.	Văn phòng UBND tỉnh (03 chỉ tiêu)	Riêng Trung tâm Xúc tiến Thương mại và Đầu tư thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				Cảm nhận của doanh nghiệp về thái độ của chính quyền tỉnh đối với khu vực tư nhân.	Sở Nội vụ (01 chỉ tiêu)	
				Có những sáng kiến hay ở cấp tỉnh nhưng chưa được thực thi tốt ở các Sở, ngành.	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh (01 chỉ tiêu)	
				Lãnh đạo tỉnh có chủ trương, chính sách đúng đắn nhưng không được thực hiện tốt ở cấp huyện.	UBND cấp huyện (01 chỉ tiêu)	
6	Chi phí thời gian để thực hiện các quy định của nhà	Thường trực Ủy ban nhân dân phụ trách lĩnh	Sở Nội vụ	Số cuộc thanh tra, kiểm tra trung vị.	Thanh Tra tỉnh (01 chỉ tiêu)	Riêng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh,
				Số giờ trung vị làm việc với thanh tra, kiểm tra thuế.	Cục Thuế tỉnh (01 chỉ tiêu)	

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
	nước	vực cải cách hành chính		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp dành hơn 10% quỹ thời gian để tìm hiểu và thực hiện các quy định pháp luật của Nhà nước. - DN không cần phải đi lại nhiều lần để lấy dấu và chữ ký. - Cán bộ nhà nước giải quyết công việc hiệu quả. - Phí, lệ phí được công khai. 	Sở Tư pháp (04 chỉ tiêu)	Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Cục Hải quan thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
			<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ nhà nước thân thiện. - Thủ tục, giấy tờ đơn giản. - Không thấy bất kì sự thay đổi đáng kể nào. 	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (03 chỉ tiêu)		
7	Chi phí gia nhập thị trường	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực cải cách hành chính	Sở Nội vụ	<ul style="list-style-type: none"> - Thời gian đăng ký doanh nghiệp. - Thời gian từ khi hồ sơ được coi là hợp lệ và tiếp nhận đến khi nhận được Giấy Đăng ký doanh nghiệp. - Thời gian thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp. - % Doanh nghiệp đăng ký hoặc sửa đổi đăng ký kinh doanh thông qua bộ phận Một cửa. 	Sở Kế hoạch và Đầu tư (04 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				<ul style="list-style-type: none"> - Thủ tục tại bộ phận Một cửa được niêm yết công khai. - Hướng dẫn về thủ tục tại bộ phận Một cửa rõ ràng, đầy đủ. - Cán bộ tại bộ phận Một cửa am hiểu về chuyên môn. - Cán bộ tại bộ phận Một cửa nhiệt tình, thân thiện. - Không có sự thay đổi nào so với năm trước công bố PCI. 	Sở Nội vụ (05 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tư pháp thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				<ul style="list-style-type: none"> - % DN phải chờ hơn một tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động. - % DN phải chờ hơn ba tháng để hoàn thành tất cả các thủ tục để chính thức hoạt động. 	Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (02 chỉ tiêu)	
				Thời gian chờ đợi để được cấp Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất.	Sở Tài nguyên và Môi trường (01 chỉ tiêu)	

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				Ứng dụng công nghệ thông tin tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả.	Sở Thông tin và Truyền thông (01 chỉ tiêu)	
8	Tiếp cận đất đai và sự ổn định trong sử dụng đất	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực quản lý đất đai	Sở Tài nguyên và Môi trường	<ul style="list-style-type: none"> - % doanh nghiệp có mặt bằng kinh doanh (vốn là tài sản của cá nhân/gia đình hoặc do nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất hoặc doanh nghiệp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất) và có Giấy Chứng nhận Quyền sử dụng đất. - % diện tích đất trong tỉnh có Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất. - DN đánh giá rủi ro bị thu hồi đất (1: rất cao đến 5: rất thấp). - Nếu bị thu hồi đất, DN sẽ được bồi thường thỏa đáng. - Doanh nghiệp dân doanh không gặp cản trở về tiếp cận đất đai hoặc mở rộng mặt bằng kinh doanh. - % doanh nghiệp thực hiện các thủ tục hành chính về đất đai trong vòng 2 năm qua nhưng không gặp bất kỳ khó khăn nào về thủ tục. - % doanh nghiệp có nhu cầu được cấp Giấy Chứng nhận Quyền Sử dụng đất nhưng không thực hiện do thủ tục hành chính rườm rà/ lo ngại cán bộ nhũng nhiễu. - Sự thay đổi khung giá đất của tỉnh phù hợp với sự thay đổi giá thị trường. 	Sở Tài nguyên và Môi trường (08 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tài chính, Sở Công Thương, Ban Quản lý Khu Kinh tế, và UBND cấp huyện thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
9	Thiết chế pháp lý	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh phụ trách lĩnh vực tư pháp	Tòa án nhân dân tỉnh (có phối hợp Ban Nội chính Tỉnh ủy)	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh nghiệp tin tưởng và khả năng bảo vệ của pháp luật về vấn đề bản quyền hoặc thực thi hợp đồng. - Các cơ quan trợ giúp pháp lý hỗ trợ doanh nghiệp dùng luật để khởi kiện khi có tranh chấp. 	Sở Tư pháp (02 chỉ tiêu)	Riêng Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, các Sở, Ban ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện thực hiện
				Phán quyết của Tòa án được thi hành nhanh chóng.	Cục thi hành án dân sự tỉnh (01 chỉ tiêu)	

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
				<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng vụ việc tranh chấp của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh do Tòa án kinh tế cấp tỉnh thụ lý trên 100 doanh nghiệp. - Tỷ lệ % nguyên đơn ngoài quốc doanh trên tổng số nguyên đơn tại Tòa án kinh tế tỉnh. - Tỷ lệ vụ án đã được giải quyết trong năm (TATC). - Tòa án các cấp của tỉnh xét xử các vụ kiện kinh tế đúng pháp luật. - Tòa án các cấp của tỉnh xử các vụ kiện kinh tế nhanh chóng. - Phán quyết của toà án là công bằng. - Doanh nghiệp sẵn sàng sử dụng tòa án để giải quyết các tranh chấp. 	Tòa án nhân dân tỉnh phối hợp với Viện kiểm sát nhân dân tỉnh (07 chỉ tiêu)	nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống pháp luật có cơ chế giúp doanh nghiệp tố cáo hành vi tham nhũng của cán bộ. - Các chi phí chính thức và không chính thức là chấp nhận được. 	Thanh tra tỉnh có phối hợp với Ban Nội chính Tỉnh ủy (02 chỉ tiêu)	
10	Cạnh tranh bình đẳng	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	<ul style="list-style-type: none"> - Việc tinh ưu ái cho các tổng công ty, tập đoàn của Nhà nước gây khó khăn cho doanh nghiệp tư nhân. - Tinh ưu tiên giải quyết các vấn đề, khó khăn cho doanh nghiệp nước ngoài hơn là doanh nghiệp trong nước. - Hoạt động của các doanh nghiệp FDI nhận được nhiều quan tâm hỗ trợ hơn từ tỉnh. - Ưu đãi với các công ty lớn (nhà nước và tư nhân) là trở ngại cho hoạt động kinh doanh của bản thân doanh nghiệp. 	Văn phòng UBND tỉnh (04 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tài chính và Cục Hải quan thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				Tinh ưu tiên thu hút đầu tư nước ngoài hơn là phát triển khu vực tư nhân.	Sở Kế hoạch và Đầu tư phối hợp với Ban Quản lý Khu Kinh tế, Trung tâm Xúc tiến TM&ĐT (01 chỉ tiêu)	

STT	CHỈ SỐ THÀNH PHẦN	LÃNH ĐẠO TRỰC TIẾP CHỈ ĐẠO	CƠ QUAN CHỊU TRÁCH NHIỆM	CÁC CHỈ TIÊU	CƠ QUAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
10	Cạnh tranh bình đẳng	Thường trực Ủy ban nhân dân tỉnh được phân công trực tiếp chỉ đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.	Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh	- Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước. - Thủ tục hành chính nhanh chóng và đơn giản hơn là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI.	Sở Nội vụ (02 chỉ tiêu)	Riêng Sở Tài chính và Cục Hải quan thực hiện nhiệm vụ được giao đã được nêu trong nội dung Chương trình
				Miễn giảm thuế thu nhập doanh nghiệp là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI.	Cục Thuế tỉnh (01 chỉ tiêu)	
				Thuận lợi trong tiếp cận các khoản tín dụng là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam – Chi nhánh An Giang (01 chỉ tiêu)	
				- Thuận lợi trong tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước. - Thuận lợi trong cấp phép khai thác khoáng sản là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước. - Thuận lợi trong việc tiếp cận đất đai là đặc quyền dành cho các doanh nghiệp FDI. (kể cả chỉ tiêu liên quan: đất đai chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh)	Sở Tài nguyên và Môi trường (03 chỉ tiêu)	
				- Hợp đồng, đất đai,... và các nguồn lực kinh tế khác chủ yếu rơi vào tay các doanh nghiệp có liên kết chặt chẽ với chính quyền tỉnh. - Dễ dàng có được các hợp đồng từ cơ quan Nhà nước là đặc quyền dành cho các tập đoàn kinh tế của Nhà nước.	Các Sở, Ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện (02 chỉ tiêu)	